

MARKET INSIGHTS REPORTS

27.08.2025

DÒNG TIỀN HƯỚNG TỚI NHÓM CỔ PHIẾU
CHƯA TĂNG GIÁ NHIỀU NHƯ VCB, DXG,
CSM...



NỘI DUNG CHÍNH

- | | |
|---------|---|
| 03 - 04 | CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG |
| 05 | TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG |
| 06 | PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
<i>MA(20) đang trở thành vùng hỗ trợ tốt cho chỉ số</i> |
| 07 | HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY |
| 07 | CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN |
| 08 | DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST |
| 08 | TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ |
| 09 | BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
<i>Rủi ro nợ công của các nước EU</i>
<i>Triển vọng tăng giá của dầu mỏ thấp nhất 17 năm</i> |
| 10 | TTCK MỸ
<i>Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên tối nay.</i> |

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	374
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	169
Số cổ phiếu giảm giá	149
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	56

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	227
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	91
Số cổ phiếu giảm giá	68
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	68

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	375
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	173
Số cổ phiếu giảm giá	107
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	95

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	96,196.15	230,736.50	#####
% KL toàn thị trường	6.16%	14.77%	
Giá trị	3,587,181	7,632,344	(4,045,163)
% GT toàn thị trường	7.58%	16.12%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	8,394.31	7,625.45	768.86
% KL toàn thị trường	6.16%	14.77%	
Giá trị	206,027	188,581	17,446
% GT toàn thị trường	6.82%	6.25%	

UPCOM

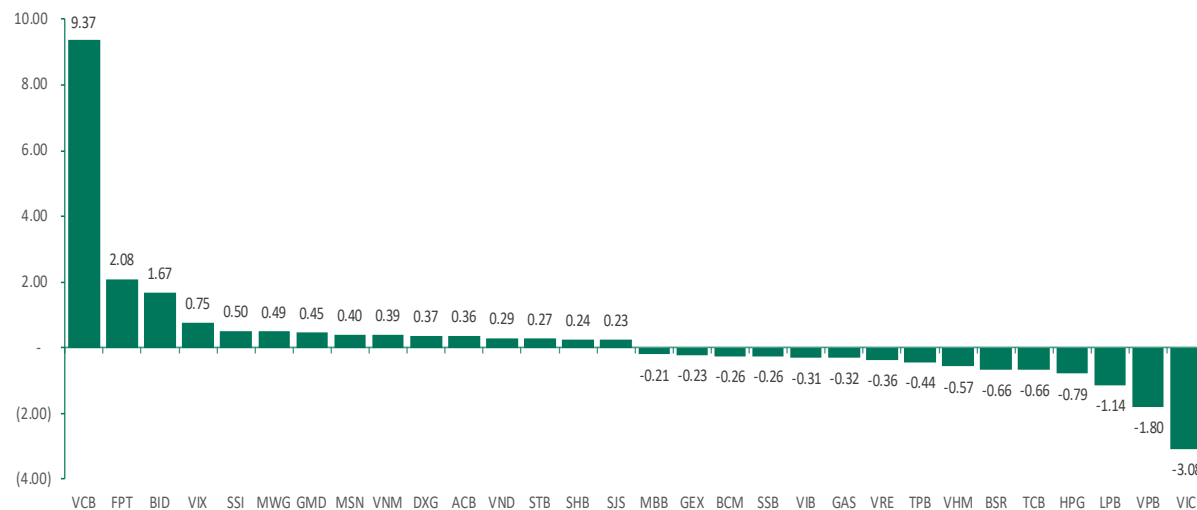
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,854.51	12,801.40	(10,946.89)
% KL toàn thị trường	2.94%	20.27%	
Giá trị	35,185	190,763	(155,579)
% GT toàn thị trường	3.60%	19.55%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	31,048,100	69,100	4,500 (6.97%)	12.56	2.70	5,501	577,377
2	VIC	2,351,500	132,000	-3,500 (-2.58%)	37.32	3.23	3,537	511,973
3	VHM	3,023,700	104,600	-600 (-0.57%)	14.86	1.86	7,039	429,635
4	BID	14,870,300	42,800	1,000 (2.39%)	10.78	1.85	3,972	300,514
5	TCB	25,051,600	38,950	-400 (-1.02%)	12.67	1.70	3,075	276,009
6	CTG	18,567,600	51,100	-100 (-0.2%)	9.12	1.68	5,606	274,407
7	VPB	57,247,900	33,300	-1,000 (-2.92%)	15.18	1.74	2,193	264,200
8	HPG	85,992,500	26,750	-450 (-1.65%)	12.74	1.40	2,100	205,319
9	FPT	19,436,400	105,000	5,000 (5%)	17.91	3.90	5,862	178,868
10	MBB	39,077,600	27,400	-150 (-0.54%)	6.33	1.31	4,331	167,202

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% vốn hóa	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	100%	+0.49%	+35.62%	1,603
▼ Tài chính	37.60%	+0.91%	+39.54%	104
> Tổ chức tín dụng	32.10%	+0.86%	+37.84%	29
> Dịch vụ tài chính	4.50%	+1.52%	+60.97%	62
> Bảo hiểm	1.00%	-0.47%	+17.83%	13
▶ Bất động sản	17.91%	-0.74%	+93.49%	133
▼ Công nghiệp	10.45%	+0.90%	+25.74%	402
> Vận tải	6.16%	+1.39%	+20.55%	117
> Hàng hóa công nghiệp	3.82%	-0.12%	+36.05%	232
> Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	0.47%	+2.71%	+39.63%	53
▼ Tiêu dùng thiết yếu	8.04%	+0.99%	-0.51%	169
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	7.88%	+1.01%	-0.42%	156
> Thương mại hàng thiết yếu	0.11%	+0.87%	0%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	0.05%	-1.30%	+7.66%	4
▶ Nguyên vật liệu	7.29%	-0.27%	+13.07%	284
▶ Tiện ích	5.45%	-0.73%	+8.35%	154
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	4.74%	+0.67%	+20.47%	188
> Thương mại hàng không thiết yếu	2.43%	+1.03%	+15.70%	65
> Dịch vụ tiêu dùng	1.73%	+0.17%	+2.63%	37
> Thời trang và hàng lâu bền	0.50%	+0.34%	+58.78%	73
> Xe và linh kiện	0.08%	+2.37%	-2.29%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	3.45%	+1.82%	-17.38%	42
> Dịch vụ viễn thông	3.24%	+1.94%	-18.50%	18
> Truyền thông và giải trí	0.21%	-0.02%	+5.41%	24
▶ Năng lượng	2.22%	-1.33%	-0.94%	53
▼ Công nghệ thông tin	2.07%	+4.73%	-19.63%	16
> Phần mềm và dịch vụ	2.04%	+4.80%	-19.87%	9
> Phần cứng và thiết bị	0.02%	-1.37%	+22.20%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	0.78%	+0.47%	+1.86%	58
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	0.71%	+0.46%	+4.85%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	0.07%	+0.55%	-31.00%	11

Dòng tiền hướng tới nhóm cổ phiếu chưa tăng giá nhiều như VCB, DXG, CSM

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 5.15 điểm (+ 0.31%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Phần mềm và dịch vụ, xe và linh kiện, dịch vụ viễn thông, dịch vụ tài chính, vận tải, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, tổ chức tín dụng, thời trang và hàng lâu bền...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như FPT, CMG, CSM, DRC, VGI, FOX, CTR, SSI, VND, VIX, AAS, TVB, TVC, GMD, VSC, VTP, HAH, PAN, MCH, MSN, VNM, SAB, VCB, BID, STB, VGT, MSH...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) FPT tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình 4 cây nến tại vùng hỗ trợ ngắn và có đáy đôi nhỏ;
- ✓ Kháng cự hiện tại là vùng giá 110;
- ✓ Khối ngoại sau chuỗi ngày bán ròng đã mua trở lại nâng đỡ cổ phiếu trong ngày hôm nay;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(ii) CSM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên đang mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 18 - 21;
- ✓ CSM sẽ có lãi đột biến trong Q3/2025 nhờ tiền bồi thường di dời nhà máy khỏi KCN Biên Hòa 1. Ngoài ra, trong năm 2026, triển vọng kinh doanh cũng tích cực hơn nhờ công ty tiết kiệm khoảng 100 tỷ khấu hao nhà máy cũ đã hết (Số lượng tiết kiệm sẽ vào khoảng 50 tỷ nếu phần đầu tư nhà máy mới thiết lập khấu hao là 7 năm);
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

(iii) VIX tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “GAP UP”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng 5 nhỏ của sóng 3 lớn tăng giá với mục tiêu 43;
- ✓ Hỗ trợ sóng 4 lớn điều chỉnh là 26 – 32;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

(iv) PAN tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá phục hồi tốt từ ngưỡng hỗ trợ động MA(50) – Xu hướng chung của cổ phiếu lúc này;

- ✓ Kháng cự hiện tại quanh vùng giá 36 – Một Break out sẽ xác nhận sóng 3 tăng giá mở rộng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 65%;

(v) VCB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VCB đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 71 – 84;
- ✓ Các nhóm quốc doanh đang được dòng tiền hướng tới do tốc độ tăng giá chậm hơn nhóm tư nhân giai đoạn vừa qua. Đây cũng là xu hướng thường thấy của chu kỳ Uptrend;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(vi) GMD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên đang mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng 3 tăng giá với mục tiêu 71 - 85;
- ✓ Dự án cảng Gemalink của Gemadept (GMD) Giai đoạn 2A đang được triển khai, dự kiến khởi công vào quý 4/2025 và bắt đầu khai thác vào nửa cuối năm 2027, nâng tổng công suất lên 3 triệu TEU và khả năng đón tàu có tải trọng lớn. Giai đoạn 2A có diện tích 11 ha, công suất 950.000 TEU/năm. Sau Giai đoạn 2, cảng sẽ có khả năng đón tàu container lớn nhất thế giới hiện nay, lên tới 250.000 DWT;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

(2) Năng lượng, bất động sản, tiện ích, bảo hiểm, nguyên vật liệu, hàng hóa công nghiệp, truyền thông giải trí...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như BSR, OIL, VIC, VHM, BCM, VRE, KBC, TCH, GAS, BVH, BIC, HPG, GVR, DGC, DCM, HSG, NKG, GEX, GEE, PC1, DPG, YEG ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) HPG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình HPG hiện tại khá tiêu cực với mẫu hình vai đầu vai đảo chiều ở đỉnh. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng HPG sẽ có thiên hướng đi ngang giao dịch quanh vùng 24 – 29;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(ii) TCH giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 4 điều chỉnh giảm giá với hỗ trợ quanh 15 – 17;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: MA(20) đang trở thành vùng hỗ trợ tốt cho chỉ số

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng vẫn nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 4,190 tỷ đồng (Tính cả 3 sản). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, GMD, VIX, DXG, NLG, IJC, SHS, VND, HUT, HCM... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: HPG, VPB, CTG, VCB, SSI, SHB, MBB, KDH, OIL, GEX... Việc NĐT nước ngoài bán ròng mạnh đang ảnh hưởng đôi chút tới tâm lý của NĐT nội. Chúng tôi thấy sự lo lắng này dù tác động trực tiếp của khối này hiện tại chưa lớn. Như vậy, sau nửa đầu tháng 7 mua ròng được hơn 11,000 tỷ, các NĐT nước ngoài đã bán ròng mạnh mẽ trong tháng 8 với con số đã lên tới hơn 1 tỷ đô và đây có thể là đợt bán ròng theo tháng lớn nhất trong nhiều năm.

(ii) VN-Index có một cây nến tăng giá nhưng giá đóng cửa lại ở nửa thân nến phía dưới. Đây không phải là tín hiệu tăng giá mạnh mẽ. Xét trong ngắn hạn mô hình này tạo ra áp lực hai đỉnh. Việc điểm số tăng quá nhanh với thanh khoản thấp rõ ràng việc đặt cược vào xu hướng tăng mạnh tiếp trong bối cảnh kỳ nghỉ lễ sắp tới gần thường không phải là điều khả thi. Điểm sáng chúng tôi thấy sự xoay tua khi dòng tiền hướng sang các cổ phiếu chưa tăng giá như VCB, BID, MWG, SSI, GMD, CSM, PAN, IJC... Như vậy, chúng ta có sự xoay tua cần thiết cho đà tăng giá này. Trong bối cảnh hiện tại, chúng ta cần thấy dòng tiền lan tỏa sang những nhóm có nền thấp, chưa tăng giá, hoặc các nhóm có triển vọng kinh doanh tích cực trong Q3 và Q4 thì sẽ tạo sự hưng phấn tốt hơn là dòng tiền tiếp tục đẩy vào nhóm có tính đầu cơ cao và đã tăng mạnh gấp 2 – 4 lần trong giai đoạn vừa qua.

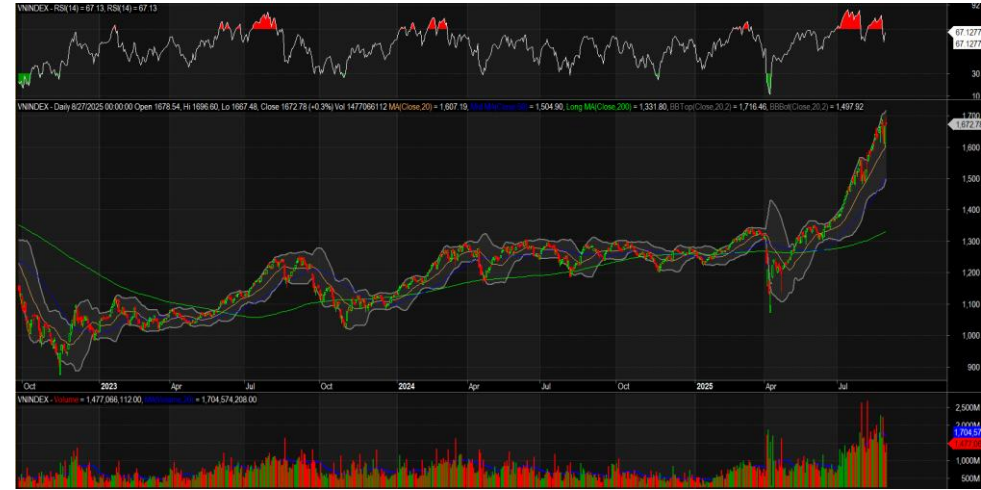
Các cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh trong phiên hôm nay là NT2, PAN, CSM, L40, TVC, TTA...

Các cổ phiếu mua tích lũy trong phiên hôm nay là VEA, DRC, VNM, FOX, TLG, VFS...

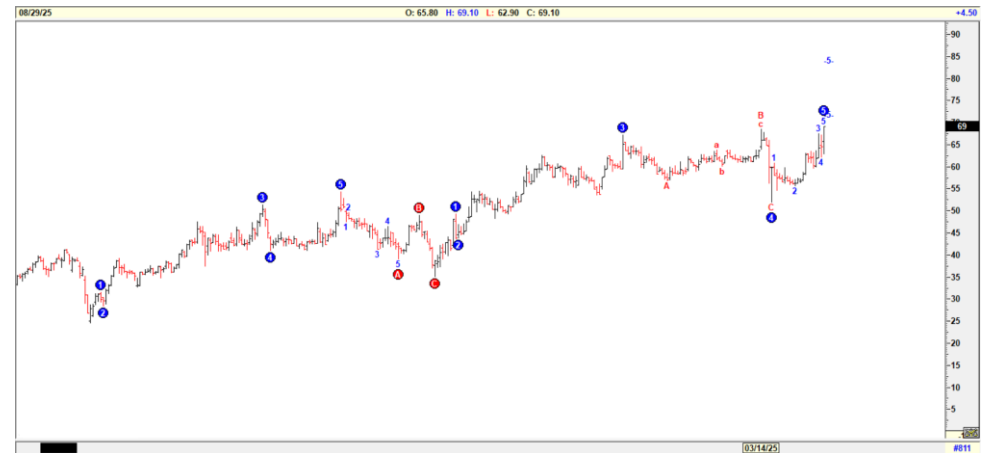
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 08 mã cho tín hiệu mua, 10 mã cho tín hiệu bán, 12 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã BID, MWG, STB, MSN, VHM... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 50% và 48% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,600 điểm và kháng cự là 1,700 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VCB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	613.32	614.97	611.67	NO	617.43	624.83	628.94	636.34	605.92	601.81	594.41	590.3
HNXINDEX	277.32	277.79	276.85	NO	278.56	280.73	281.97	284.14	275.15	273.91	271.74	270.5
UPINDEX	109.93	109.93	109.93	YES	110.43	110.92	111.42	111.91	109.44	108.94	108.45	107.95
VN30	1855.67	1859.23	1852.11	NO	1870.15	1891.74	1906.22	1927.81	1834.08	1819.6	1798.01	1783.53
VNINDEX	1678.95	1682.04	1675.87	NO	1690.43	1708.07	1719.55	1737.19	1661.31	1649.83	1632.19	1620.71
VNXALL	2884.43	2890.52	2878.33	NO	2905.88	2939.54	2960.99	2994.65	2850.77	2829.32	2795.66	2774.21
VN30F1M	1853.03	1856.35	1849.72	NO	1862.97	1879.53	1889.47	1906.03	1836.47	1826.53	1809.97	1800.03
VN30F1Q	1835.4	1838.1	1832.7	NO	1842.6	1855.2	1862.4	1875	1822.8	1815.6	1803	1795.8
VN30F2M	1847.1	1850.4	1843.8	NO	1855.4	1870.3	1878.6	1893.5	1832.2	1823.9	1809	1800.7
VN30F2Q	1828.33	1830	1826.67	YES	1836.67	1848.33	1856.67	1868.33	1816.67	1808.33	1796.67	1788.33
BCM	67.73	67.65	67.82	NO	68.47	69.03	69.77	70.33	67.17	66.43	65.87	65.13
ACB	27.93	28.08	27.79	NO	28.32	28.98	29.37	30.03	27.27	26.88	26.22	25.83
BID	43.05	43.17	42.92	NO	44.25	45.7	46.9	48.35	41.6	40.4	38.95	37.75
BVH	59.83	59.9	59.77	NO	60.57	61.43	62.17	63.03	58.97	58.23	57.37	56.63
CTG	51.7	52	51.4	NO	52.6	54.1	55	56.5	50.2	49.3	47.8	46.9
GAS	69.1	69.2	69	NO	69.5	70.1	70.5	71.1	68.5	68.1	67.5	67.1
GVR	29.25	29.3	29.2	NO	29.5	29.85	30.1	30.45	28.9	28.65	28.3	28.05
FPT	103.77	103.15	104.38	NO	106.33	107.67	110.23	111.57	102.43	99.87	98.53	95.97
HDB	32.5	32.53	32.47	YES	32.95	33.45	33.9	34.4	32	31.55	31.05	30.6
HPG	26.92	27	26.83	NO	27.08	27.42	27.58	27.92	26.58	26.42	26.08	25.92
LPB	44.53	44.9	44.17	NO	45.27	46.73	47.47	48.93	43.07	42.33	40.87	40.13
MBB	27.68	27.83	27.54	NO	27.97	28.53	28.82	29.38	27.12	26.83	26.27	25.98
MSN	82.07	82	82.13	YES	82.93	83.67	84.53	85.27	81.33	80.47	79.73	78.87
MWG	75.4	75.6	75.2	NO	76.2	77.4	78.2	79.4	74.2	73.4	72.2	71.4
PLX	36.47	36.5	36.43	YES	36.78	37.17	37.48	37.87	36.08	35.77	35.38	35.07
SAB	46.05	46.07	46.03	YES	46.25	46.5	46.7	46.95	45.8	45.6	45.35	45.15
SSB	21.45	21.48	21.42	NO	21.8	22.2	22.55	22.95	21.05	20.7	20.3	19.95
SHB	17.77	17.83	17.71	NO	17.98	18.32	18.53	18.87	17.43	17.22	16.88	16.67
SSI	40.52	40.65	40.38	NO	40.93	41.62	42.03	42.72	39.83	39.42	38.73	38.32
TCB	39.52	39.8	39.23	NO	40.13	41.32	41.93	43.12	38.33	37.72	36.53	35.92
STB	55.37	55.25	55.48	NO	56.63	57.67	58.93	59.97	54.33	53.07	52.03	50.77
TPB	20.63	20.85	20.42	NO	21.22	22.23	22.82	23.83	19.62	19.03	18.02	17.43
VCB	67.73	67.05	68.42	NO	70.47	71.83	74.57	75.93	66.37	63.63	62.27	59.53
VHM	104.53	104.5	104.57	YES	106.97	109.33	111.77	114.13	102.17	99.73	97.37	94.93
VIB	22.67	22.83	22.51	NO	22.98	23.62	23.93	24.57	22.03	21.72	21.08	20.77
VJC	143.67	143.45	143.88	NO	145.53	146.97	148.83	150.27	142.23	140.37	138.93	137.07
VIC	133.2	133.8	132.6	NO	134.4	136.8	138	140.4	130.8	129.6	127.2	126
VPB	33.5	33.6	33.4	NO	34.5	35.7	36.7	37.9	32.3	31.3	30.1	29.1
VNM	60.4	60.35	60.45	YES	61.3	62.1	63	63.8	59.6	58.7	57.9	57
VRE	30.82	30.92	30.71	NO	31.08	31.57	31.83	32.32	30.33	30.07	29.58	29.32

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì căn theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
DXG	70,555,104	27,353,370	258	6.81
VCB	31,048,100	11,553,980	269	6.97
GMD	9,800,200	4,068,460	241	6.97
PAN	6,092,800	2,407,430	253.08	6.88
AAS	4,319,700	1,588,200	272	10.2
TTA	3,047,300	1,368,620	223	6.67
TVC	2,210,500	547,960	403.41	9.18
FCS	1,605,200	3,000	53,507	-3.23
SDT	1,095,200	32,560	3,364	8.16
TVB	1,035,700	244,260	424.02	6.89
PGN	768,100	115,740	664	1.69
CIG	760,300	310,470	245	5.54
TEG	723,800	239,820	302	1.28
HCD	630,400	103,060	612	6.89
ITQ	445,700	214,490	207.8	0
L40	416,500	165,540	252	10
HBS	270,800	129,210	210	6.76
SBD	210,400	31,650	665	15.85
GHC	124,600	28,110	443	-0.33
SVT	118,600	21,770	544.79	1.85
STK	116,500	49,180	237	3.78
ADP	94,500	19,990	473	-0.19
NXT	80,800	13,430	602	12.82
TID	80,600	11,100	726	-4.23
DID	73,800	34,040	216.8	-2.22
VNR	72,500	25,800	281	0
DHB	58,800	19,550	301	-1.11
DBT	54,500	7,070	771	0.41
SRB	53,300	18,840	283	-4.76
MGC	51,500	23,200	222	12.78
VEI	48,100	11,280	426	-7.89
FUEDCMID	42,900	17,050	252	1.28
LAF	42,700	7,540	566	-2.05
VNL	40,300	11,210	360	0.91
DIH	34,800	6,900	504	0.59
VPS	29,600	9,580	309	1.92
NCT	26,300	12,730	207	-0.37
NCS	26,000	8,690	299	1.3
VLG	25,800	9,380	275	1.08
PTI	25,800	12,570	205	4.53

- Lưu ý: DXG, VCB...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
26-Aug	CIG	Mua	≤ 10.5	10% -20%	Buy Kumo Break Out
26-Aug	SSI	Mua	≤ 41	10% -20%	Đánh sóng 5 tăng giá
26-Aug	VHM	Mua	≤ 107	10% -20%	Đánh sóng 5 tăng giá

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 26/08, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.273 VND/USD, giảm tiếp 18 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 24.060 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán kỳ hạn 180 ngày được niêm yết ở mức 26.550 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.373 VND/USD, tăng mạnh 53 đồng so với phiên 25/08. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 26.560 VND/USD và 26.650 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 26/08, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,23 – 0,92 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 4,00%; 1W 5,05%; 2W 5,33% và 1M 5,45%. Lãi suất chào bình quân LNH USD không thay đổi ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,01 đpt đpt các ở kỳ hạn 2W và 1M, giao dịch tại: ON 4,30%; 1W 4,36%; 2W 4,41%, 1M 4,44%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn, chốt phiên ở mức: 3Y 2,71%; 5Y 3,01%; 7Y 3,38%; 10Y 3,54%; 15Y 3,61%.
- Nghị quyết vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 5.000 tỷ đồng ở mỗi kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày, 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 3.779,89 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 28 ngày, không có khối lượng trúng thầu ở các kỳ hạn còn lại. Có 12.119,16 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua NHNN hút ròng 8.339,27 tỷ đồng từ thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Có 206.057,95 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và đề tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

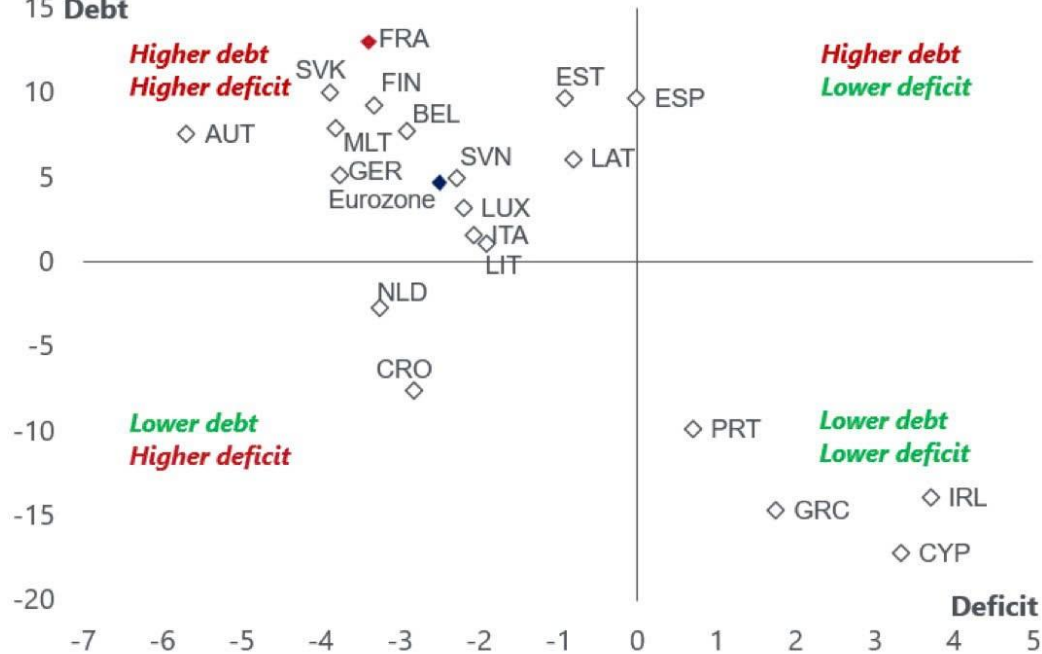


Rủi ro nợ công của các nước EU

Eurozone: Changes in govt deficit and debt

Q1 2025 vs Q4 2019, ppts of GDP

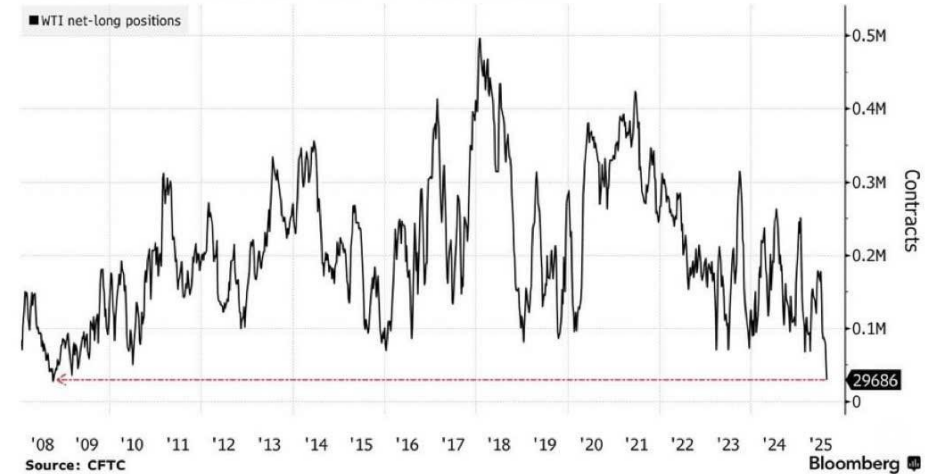
15 Debt



Source: Oxford Economics/Haver Analytics

Triển vọng tăng giá của dầu mỏ thấp nhất 17 năm

Bullish Oil Bets Fall to 17 Year Lows





Các nhà đầu cơ đang nắm giữ tỷ lệ bán VIX cao nhất kể từ năm 2022



S&P 500 vẫn duy trì động lượng tăng giá tốt



TESLA liệu có tiếp tục bứt phá ?



Nasdaq vẫn duy trì xu hướng tăng giá dù chưa phá đỉnh



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên tới nay.

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

